

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 12/2022/PPE - CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Biên bản họp và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý Cổ đông.

A. THÔNG TIN CÔNG TY

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
2. Mã chứng khoán: PPE
3. Mã số thuế: 0102403985
4. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CharmVit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
5. Người được ủy quyền CBTT: Trần Thị Lý
6. Điện thoại: 0962.467.861

B. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

1. Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu
2. Nội dung thông tin công bố:

Biên bản họp và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam vào ngày 28/04/2022 tại đường link Website của Công ty: <http://pvpe.vn>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN THỊ LÝ

Số: QL/2022/PPE/NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư Vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Tư Vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 28/4/2022;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư Vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam ngày 28/4/2022.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua các nội dung thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với các nội dung chính như sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 (kèm theo Báo cáo số QL/2022/PPE/BC-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về Kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 (kèm theo Báo cáo số QL/2022/PPE/BC-BKS)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán (kèm theo Tờ trình số QL/2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 (kèm theo Tờ trình số QL/2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.



Điều 5. Thông qua Phụ cấp, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021, kế hoạch năm 2022 (kèm theo Tờ trình số 05./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 6. Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022 (kèm theo Tờ trình số 06./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 7. Thông qua Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty: Thành lập Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty (kèm theo Tờ trình số 07./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 8. Thông qua Thay đổi Tên Công ty (kèm theo Tờ trình số 08./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 9. Thông qua Thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty (kèm theo Tờ trình số 09./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 10. Thông qua Thay đổi Trụ sở chính của Công ty (kèm theo Tờ trình số 10./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 11. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến (kèm theo Tờ trình số 11./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 12. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022 (kèm theo Tờ trình số 12./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 13. Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (kèm theo Tờ trình số 13./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 14. Thông qua Đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát (kèm theo Tờ trình số 14./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 15. Thông qua Đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (kèm theo Tờ trình số 15./2022/PPE/TTr-HĐQT)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.



Điều 16. Thông qua Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2026, gồm các thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Hải Minh.
2. Ông Nguyễn Mạnh Trường.
3. Ông Trần Huỳnh Thanh Trà.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành 100%.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2022.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban/Đơn vị có liên quan của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của Cổ đông và Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCK Hà Nội, TTLK;
- Các TV HĐQT, BTGD;
- Cổ đông công ty;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



LÊ CẢNH TOÀN

Số: QL/2022/PPE/BBH-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN KÝ HỢP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CharmVit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 0102403985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 thay đổi lần thứ 13 ngày 06/10/2021.

Hôm nay, ngày 28 tháng 4 năm 2022, vào lúc 8 giờ 30 phút tại Lầu 5, Khách sạn The Alcove Library Hotel, 133A – 133B Nguyễn Đình Chính, Phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam được tiến hành với các nội dung sau:

I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Thành phần tham dự Đại hội:

Cổ đông và đại diện cổ đông

Đại hội đã nghe ông Trần Đình - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là 139 cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số 2.000.000 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông thực tế dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là3... đại biểu, sở hữu hoặc đại diện đối với 1.400.000..... cổ phần, tương đương với70%.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam đã đủ các điều kiện để tiến hành. Các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện.

2. Khai mạc Đại hội

Ông Lê Cảnh Toàn – Thành viên HĐQT đã thực hiện các công việc liên quan tới



việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và làm Chủ tọa tại kỳ họp, chuẩn bị tài liệu họp, ghi nhận ý kiến của cổ đông, thay đổi nội dung họp (nếu cần thiết), ký tài liệu họp, Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Đại hội đã tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội, giới thiệu thành phần tham dự;
- Giới thiệu ông **Lê Cảnh Toàn** – Thành viên HĐQT là Chủ tọa điều hành Đại hội;
- Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký và đề xuất Ban kiểm phiếu và bầu cử để Đại hội lựa chọn.

2.1. Chủ tọa và bộ phận giúp việc Chủ tọa:

Đại hội đã thông qua Đoàn Chủ tọa gồm 03 người:

- Ông: **Lê Cảnh Toàn** - Chủ tọa Đại hội;
Bà: **Lê Nguyễn Lan Vy** - Thành viên;
Ông: **Đặng Quốc Thái** - Thành viên.

2.2. Ban Thư ký Đại hội:

Đại hội đã thông qua Ban Thư ký gồm 02 người:

- Bà: **Nguyễn Thị Ngọc Tuyên** - Trưởng ban;
Bà: **Trần Thị Lý** - Thành viên;

2.3. Ban kiểm phiếu và bầu cử:

Đại hội đã thông qua Ban kiểm phiếu và bầu cử gồm 03 người:

- Ông: **Trần Đình** - Trưởng ban;
Bà: **Đặng Thanh Thảo** - Thành viên;
Bà: **Trần Thị Cẩm** - Thành viên.

3. Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội:

Đại hội đã nghe ông Lê Cảnh Toàn, thay mặt Đoàn Chủ tọa đọc: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội và Quy chế bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2026.

Đại hội đã nhất trí 100% thông qua nội dung Chương trình Đại hội và các văn bản quy chế nêu trên.

II. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG ĐẠI HỘI

1. Ông **Lê Cảnh Toàn** – Thành viên HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị đọc “Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022”.
2. Bà **Lê Nguyễn Lan Vy** thay mặt Ban kiểm soát đọc “Báo cáo của Ban kiểm soát về kết

quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022”.

3. Ông **Đặng Quốc Thái** lên đọc các nội dung:

- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Tờ trình Phụ cấp, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021, kế hoạch năm 2022;
- Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022;
- trình Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty: Thành lập Ủy ban kiểm toán và Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
- Tờ trình Thay đổi Tên Công ty;
- Tờ trình Thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;
- Tờ trình Thay đổi Trụ sở chính của Công ty;
- Tờ trình Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ năm 2022;
- Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- Tờ trình Đơn từ nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát;
- Tờ trình Đơn từ nhiệm của Thành viên HĐQT;
- Bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026.

III. THẢO LUẬN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

Cổ đông đồng ý với các nội dung thảo luận nêu trên và không có ý kiến gì thêm.

IV. ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI NHƯ SAU:

1. Ông Trần Định – Trưởng Ban kiểm phiếu và bầu cử lên công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.
2. Ông Lê Cảnh Toàn – Chủ tọa Đại hội, căn cứ vào kết quả kiểm phiếu do Ban kiểm phiếu thực hiện tuyên bố các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua gồm:

Vấn đề 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0 cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0 cổ phần tương ứng với 0% trên tổng

số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 2: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 14.000.000 cổ phần tương ứng với 100.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0.. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0.. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 14.000.000 cổ phần tương ứng với 100.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0.. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0.. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 4: Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 14.000.000 cổ phần tương ứng với 100.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0.. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0.. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 5: Thông qua Tờ trình Phụ cấp, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021, kế hoạch năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 14.000.000 cổ phần tương ứng với 100.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0.. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0.. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 6: Thông qua Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 14.000.000 cổ phần tương ứng với 100.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0 cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 7: Thông qua Tờ trình Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty: Thành lập Ủy ban kiểm toán và Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0 cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 8: Thông qua Tờ trình Thay đổi Tên Công ty:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0 cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 9: Thông qua Tờ trình Thay đổi Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0 cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 10: Thông qua Tờ trình Thay đổi Trụ sở chính của Công ty:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 11: Thông qua Tờ trình Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực

tuyên:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...0... cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0... cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 12: Thông qua Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...0... cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0... cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 13: Thông qua Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...0... cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0... cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 14: Thông qua Tờ trình Đơn từ nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát:

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...0... cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0... cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 15: Thông qua Tờ trình Đơn từ nhiệm của Thành viên HĐQT

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ...0... cổ phần tương ứng với 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0 cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vấn đề 16: Thông qua Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2026, gồm các thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Hải Minh
2. Ông Nguyễn Mạnh Trường
3. Ông Trần Huỳnh Thanh Trà

Số cổ phần biểu quyết tán thành: 1.400.000 cổ phần tương ứng với 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không tán thành: ... 0. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Số cổ phần biểu quyết không có ý kiến: ... 0. cổ phần tương ứng với 0.% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

V. CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Các vấn đề được thông qua: 1.6.

Các vấn đề không được thông qua: 0.

Trưởng Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Chủ tọa Đại hội – ông Lê Cảnh Toàn – tuyên bố bế mạc Đại hội.

Biên bản này được lập lúc 10 giờ 30 phút ngày 28/4/2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

THƯ KÝ

NGUYỄN THỊ NGỌC TUYỀN

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



LÊ CẢNH TOÀN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ QUẢN TRỊ - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị (“*HDQT*”) Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“*Công ty*” hoặc “*PPE*”) đã hoàn thành các chức năng và nhiệm vụ của mình theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Năm 2021 là một năm nhiều khó khăn đối với bộ máy nhân sự và hoạt động kinh doanh của toàn Công ty, tuy nhiên *HDQT* vẫn thực hiện tốt việc quản lý, xây dựng các chiến lược kinh doanh và giám sát các công tác điều hành Ban Giám đốc. Các kết quả chính thực hiện được trong năm 2021 cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Thông tin chung về Công ty

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CharmVit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (+84) 283.700.5885
- Email: info.ppe.co@gmail.com
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: PPE

2. Mô hình quản trị Công ty:

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.

3. Về cơ cấu nhân sự:

a. Hội đồng quản trị năm 2021:

HDQT Công ty gồm 03 thành viên, hiện tại do Bà Quách Mỹ Hoa làm Chủ tịch, có 01 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, 01 thành viên độc lập, cụ thể:

STT	Họ tên	Chức vụ trong <i>HDQT</i>	Chức vụ trong công ty
1	Quách Mỹ Hoa Bổ nhiệm ngày 21/01/2021	Chủ tịch <i>HDQT</i>	Không
2	Lê Cảnh Toàn Bổ nhiệm ngày 21/11/2019	Thành viên <i>HDQT</i>	Giám đốc
3	Huỳnh Thị Kim Phao Bổ nhiệm ngày 21/01/2021	Thành viên <i>HDQT</i>	Không

b. Ban Kiểm soát năm 2021

Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Phúc Định	Trưởng Ban
2	Lê Văn Hậu	Thành viên
3	Bùi Thị Trà My	Thành viên

Tất cả các thành viên của Ban Kiểm soát đều đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, trình độ năng lực chuyên môn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ban Kiểm soát đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật nhằm triển khai thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong phạm vi hoạt động của Ban Kiểm soát đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cũng như công tác chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. Ban Giám đốc năm 2021

Ban Giám đốc Công ty gồm 01 thành viên, không có sự thay đổi trong năm 2021 và hiện tại do Ông Lê Cảnh Toàn làm Giám đốc:

STT	Họ tên	Chức vụ trong BGD	Chức vụ khác
1	Lê Cảnh Toàn	Giám đốc	Thành viên HĐQT

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021 là một năm có nhiều biến động ảnh hưởng từ dịch Covid-19, tuy vậy Công ty dưới sự chỉ đạo của HĐQT, cùng nỗ lực của tập thể Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, đã tập trung kiện toàn, tái cấu trúc nội bộ Công ty. Mặc dù không đạt được kế hoạch doanh thu đề ra, nhưng Ban Giám đốc đã nỗ lực tìm kiếm các hoạt động kinh doanh khác bằng việc cho thuê văn phòng mang về khoản doanh thu 5,3 tỷ đồng cho Công ty với khoản lợi nhuận 675 triệu đồng. Về kết quả kinh doanh cụ thể, Công ty đã thực hiện được như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021 (Đã kiểm toán)	Mức độ hoàn thành (%)
Doanh thu	70.000.000.000	5.351.711.468	7,65%
Lợi nhuận trước thuế	168.000.000	675.186.562	401,90%
Lợi nhuận sau thuế	168.000.000	675.186.562	401,90%

2. Về lựa chọn Công ty kiểm toán

Công ty đã ký Hợp đồng kiểm toán số 233/2021/HDKT-DFK vào tháng 06/2021 với Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam (Địa chỉ: Số 45 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, MST: 0302909063).

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam là đơn vị kiểm toán đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các hoạt động chính của HĐQT:

Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2021, HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng với Ban Giám đốc điều hành, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra, các vấn đề về nhân sự và quản lý của Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- HĐQT thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên HĐQT biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.
- HĐQT đã thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, phối hợp với Ban Giám đốc kịp thời có các biện pháp phù hợp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo Công ty thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của Công ty.
- Chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên, xây dựng kế hoạch năm 2022 trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ để ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt theo thẩm quyền của HĐQT, tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã thông qua. Tuy vậy, năm 2021 là một năm có nhiều biến động lớn về tình hình kinh tế xã hội, dịch bệnh Covid -19 kéo dài nên một số chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua đã không được hoàn thành.

2. Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Quách Mỹ Hoa	Chủ tịch	15/01/2021	6/6	100%	
2	Lê Cảnh Toàn	Thành viên	21/11/2019	6/6	100%	
3	Huỳnh Thị Kim Phao	Thành viên	15/01/2021	6/6	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

Năm 2021, Giám đốc Công ty đã thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty.

Bên cạnh việc tái cấu trúc hoàn thiện toàn bộ Công ty, HĐQT cũng đã có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến Ban Giám đốc để theo dõi, giám sát, định hướng và chỉ đạo đối với việc quản lý và điều hành của Ban Giám đốc.

Hàng tháng/quý tổ chức họp giao ban toàn Công ty với thành phần bao gồm: HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng ban, nhằm mục đích:

- Đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện;
- Đề ra kế hoạch chi tiết trong tháng/quý tiếp theo;
- Giải quyết các vấn đề tồn tại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc Ban Giám đốc thực hiện các báo cáo và công bố thông tin đúng với các quy định của Pháp luật hiện hành.

4. Công tác quản lý và chỉ đạo điều hành Công ty.

HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty về:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đến Ban Giám đốc và các bộ phận của Công ty;
- Hàng tháng HĐQT thường xuyên cử người tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban cùng Trưởng các bộ phận để nắm bắt kết quả xử lý công việc từng phòng ban bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban Giám đốc nhằm điều hành hoạt động của Công ty hằng ngày theo đúng định hướng mục tiêu của ĐHĐCĐ đã đề ra;
- Hàng quý trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện của quý trước, xác định nguyên nhân tồn tại để đưa ra các biện pháp khắc phục và giao kế hoạch sản xuất của quý sau;
- Ban hành các Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành, đầu tư, dịch vụ... và các Quyết định về chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, đầu tư, quản lý;
- Phối hợp với Ban kiểm soát của Công ty để tăng cường chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo Công ty thực hiện các mục tiêu của ĐHĐCĐ đề ra và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Kết hợp Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để triển khai nhanh việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 và công bố trong thời gian sớm nhất.

IV. KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào tình hình kinh doanh hiện tại và các định hướng phát triển trong năm mới của Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể trong năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch
	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu	5.351.711.468	125.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	675.186.562	13.750.000.000
Lợi nhuận sau thuế	675.186.562	12.000.000.000

2. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2022

Năm 2022, chắc chắn sẽ có nhiều thách thức và khó khăn hơn do ảnh hưởng của dịch bệnh

Covid-19 kéo dài nhưng HĐQT sẽ cố gắng tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022;
- Đảm bảo an toàn tài chính của Công ty. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Chỉ đạo Ban Giám đốc tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, cấu trúc hoạt động quản trị và các quy định của Công ty để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Thay đổi cách quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tốt công nợ, tiếp tục giảm phí và chống lãng phí trong mọi hoạt động của Công ty.
- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình;
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.

V. KẾT LUẬN

Với kế hoạch hoạt động trên, năm 2022 Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới sẽ tiếp tục chỉ đạo và tăng cường giám sát chặt chẽ hoạt động của Công ty để đạt kết quả sản xuất kinh doanh tốt nhất. Rất mong được sự ủng hộ và gắn bó lâu dài của Quý cổ đông.

Trên đây là Báo cáo về quản trị - kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam, HĐQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét và rất mong nhận được sự đóng góp và ủng hộ của các Quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

QUÁCH MỸ HOA

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Căn cứ:

- Quyển và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát ("BKS") được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam ("Công ty" hoặc "PPE") đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về quản trị - kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2021.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban Kiểm soát như sau:

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức:

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Phúc Định	Trưởng Ban
2	Lê Văn Hậu	Thành viên
3	Bùi Thị Trà My	Thành viên

Tất cả các thành viên của Ban Kiểm soát đều đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, trình độ năng lực chuyên môn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ban Kiểm soát đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật nhằm triển khai thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong phạm vi hoạt động của Ban Kiểm soát đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cũng như công tác chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Phúc Định	1/1	100%	100%	
2	Bà Bùi Thị Trà My	1/1	100%	100%	
3	Ông Lê Văn Hậu	1/1	100%	100%	

II. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Công tác thẩm định báo cáo tài chính:

Với trách nhiệm và quyền hạn của mình, Ban Kiểm soát đã triển khai việc thẩm định định kỳ báo cáo tài chính ("BCTC") của PPE do đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam kiểm toán. Theo đó, các báo cáo tài chính năm 2021 của PPE đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của PPE tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Kiểm soát đồng ý cơ bản với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Tổ chức kiểm toán.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ
Doanh thu	64.842.676.482	5.351.711.468	8.25%
Tổng lợi nhuận trước thuế	153.774.172	675.186.562	439.08%
Lợi nhuận sau thuế	153.774.172	675.186.562	439.08%

Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021.
(Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam).

Tài sản:

Chỉ tiêu	Số tiền (VND) tại 31/12/2021
I. Tài sản ngắn hạn	18.233.143.085
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	456.489.459
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	17.725.228.672
3. Hàng tồn kho	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	51.424.954
II. Tài sản dài hạn	-
1. Tài sản cố định	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-
3. Tài sản dài hạn khác	-
Tổng tài sản	18.233.143.085

Nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Số tiền (VND) tại 31/12/2021
I. Nợ phải trả	9.682.106.782
1. Nợ ngắn hạn	9.682.106.782
2. Nợ dài hạn	-
II. Vốn chủ sở hữu	8.551.036.303
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	146.866.588
3. Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	(11.595.830.285)
Tổng nguồn vốn	18.233.143.085

3. Đánh giá:

Năm 2021 do ảnh hưởng trầm trọng và kéo dài của dịch Covid-19, tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội của người dân, đặc biệt ảnh hưởng nặng nề đến tình hình sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và PPE nói riêng. HĐQT, Ban giám đốc Công ty đã rất nỗ lực để hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh, tuy vậy, một số chỉ tiêu đã không hoàn thành, cụ thể như sau: Tổng doanh thu chỉ bằng 8,25% so với năm 2020, nhưng lợi nhuận đạt 439,08% so với năm trước. Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban Giám đốc cần có những giải pháp và phương hướng cụ thể để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2022.

Tuy vậy, Ban Giám đốc đã có những chính sách tăng cường quản trị tiết kiệm chi phí. Nhờ đó, trong điều kiện khó khăn của năm 2021, Công ty vẫn duy trì ổn định việc tạo việc làm cho nhân viên Công ty.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, HĐQT đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2021, HĐQT tiếp tục có những hoạt động tích cực và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với Ban Giám Đốc để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong các phiên họp của HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và Quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.

Báo cáo hoạt động của HĐQT đã phản ánh đầy đủ trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

Quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động của HĐQT.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2021 là một năm gặp nhiều khó khăn và thách thức do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, phải thực hiện giãn cách xã hội làm ảnh hưởng trầm trọng đến nền kinh tế trong nước và thế giới.

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty, duy trì hoạt động Công ty có lãi, giữ việc làm, đảm bảo thu nhập cho nhân viên.

Ban Giám đốc Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp để bàn việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót.

Ban Giám đốc đã hoàn thành tương đối tốt công việc, bảo đảm hiệu quả và an toàn kinh doanh của Công ty. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Các hoạt động chính của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập: Căn cứ các tiêu thức lựa chọn và danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập đưa vào lựa chọn để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát đã làm việc với các đơn vị liên quan để quyết định việc lựa chọn và đề xuất với HĐQT ra quyết định phê duyệt, giao cho Giám đốc ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán độc lập được lựa chọn.
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm soát:
 - ❖ Ban Kiểm soát đã tham gia dự họp các cuộc họp HĐQT, soát xét, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Giám đốc phát hành ra trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của ĐHĐCĐ. Trong các cuộc họp Ban kiểm soát đề xuất các ý kiến quan trọng nhằm xây dựng Công ty;
 - ❖ Kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của Công ty trên cơ sở tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - ❖ Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường một cách kịp thời và kiểm chứng tính xác thực của các thông tin công bố tới các cổ đông của Công ty;
 - ❖ Xem xét việc tuân thủ, chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn, các rủi ro tiềm ẩn trong môi trường kinh doanh.
- Lập kế hoạch kiểm soát định kỳ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, nghiên cứu các tài liệu và đánh giá kết quả hoạt động.
- Cập nhật các quy định của pháp luật và gửi ý kiến đề nghị tới Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc để sửa đổi các quy định trong Công ty nhằm tuân thủ theo các quy định của pháp luật.
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định.

2. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý.

HDQT, Ban Giám đốc cơ bản đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính, trong các giao dịch và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Các Nghị quyết của HDQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp HDQT hoặc biên bản lấy ý kiến các thành viên HDQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định của HDQT đều tập trung vào việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được ban hành kịp thời, thực hiện chức năng quản lý của Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc đã bám sát các Nghị quyết, Quyết định của HDQT, nhằm thực hiện các mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao.

3. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HDQT, Ban Giám đốc và cổ đông.

Nhìn chung năm 2021, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của HDQT;

Ban Giám đốc thực hiện các nghị quyết của HDQT và luôn có báo cáo kết quả thực hiện với HDQT và Ban kiểm soát.

VI. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2022 được ĐHĐCĐ thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Xây dựng và hoàn thiện các quy trình quản lý nội bộ và tăng cường việc kiểm soát nội bộ của Công ty;
- Công ty cần xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể mang tính khả thi trong năm 2022 và các năm tiếp theo phù hợp với tình hình nền kinh tế của Việt Nam nói chung và tình hình hoạt động của Công ty nói riêng đảm bảo sự phát triển an toàn bền vững của Công ty;
- Có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới;
- Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các quy định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

VII. KẾ HOẠCH NĂM 2022

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2022, cụ thể như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HDQT của Công ty;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Công ty;
- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát;
- Giám sát việc thực hiện chức năng đại diện quản lý vốn và bảo vệ quyền lợi cổ đông; cử thành viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật chế độ chính sách mới;
- Thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát mà Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty quy định;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua.

**T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



LÊ PHÚC ĐỊNH

Số: 03/2022/PPE/TTr-HDQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2022/QH14 ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp") và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc Ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021. Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam là Công ty kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam, bao gồm:

- (1) Báo cáo của kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
- (3) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
- (4) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó, các chỉ tiêu cơ bản trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Số liệu BCTC 2021 (Đã kiểm toán)
1	Tổng tài sản	18.233.143.085
2	Nợ phải trả	9.682.106.782
3	Vốn chủ sở hữu	8.551.036.303
4	Tổng doanh thu	5.351.711.468
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	676.776.653
6	Lợi nhuận trước thuế	675.186.562
7	Lợi nhuận sau thuế	675.186.562

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ
VIỆT NAM
Đ. CẦU GIẤY - T. P HÀ NỘI



QUÁCH MỸ HOA

35 - C.T.C.P
Y
VĂN
Đ. KHÍ
M
P. HÀ NỘI

Số: 04/2022/PPE/TTr-HDQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2022/QH14 ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp") và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh,

Trong năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi, tuy nhiên, do Công ty đang trong quá trình tiếp tục tái cơ cấu và kiện toàn bộ máy nhân sự. Vì vậy, Công ty không trích lập các Quỹ, Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng lợi nhuận năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế đạt được trong năm 2021	675.186.562
2	Lợi nhuận lũy kế đến hết 31/12/2021	(11.595.830.285)
3	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	(11.595.830.285)
4	Cổ tức năm 2021	0%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

QUÁCH MỸ HOA

Số: 05/2022/PPE/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021, kế hoạch năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều lệ Công ty”);

Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị báo cáo Quỹ thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch quỹ thù lao năm 2022 của Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Quản trị rủi ro, như sau:

1. Thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021

Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam báo cáo tình hình chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021: Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát là 0 đồng.

2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2022:

Không vượt quá 150.000.000 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua./.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2022/PPE/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 ("Luật Doanh nghiệp") của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 ("Luật Chứng khoán") của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam ("Điều lệ Công ty");
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế.

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn 1 trong 4 công ty kiểm toán có tên trong danh sách đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận dưới đây để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty bao gồm:
 - ❖ Công ty TNHH Kiểm toán TTP;
 - ❖ Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt;
 - ❖ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt;
 - ❖ Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.
- Giao Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình tiến hành ký kết các Hợp đồng, các văn bản, tài liệu liên quan với công ty kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

QUÁCH MỸ HOA

TỜ TRÌNH

V/v Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty: Thành lập Ủy ban kiểm toán và Quản trị rủi ro trực thuộc HDQT; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (“Luật Doanh Nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng Khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“Nghị Định 155”);
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy định về kiểm toán nội bộ;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều Lệ Công Ty”);
- Thực tiễn quản lý tại Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Thực tiễn quản trị tốt tại các doanh nghiệp trên thế giới và Việt Nam.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh Nghiệp, Công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau:

- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; hoặc;
- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Đồng thời, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính Phủ về kiểm toán nội bộ quy định công ty niêm yết là một trong các đơn vị phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ kể từ tháng 04/2021.

Mô hình Kiểm toán nội bộ là mô hình quản trị hiện đang được áp dụng tại nhiều quốc gia có hệ thống quản trị công ty tốt, dựa trên những khuyến nghị tại Bộ Nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD, Tiêu chí thể điểm quản trị công ty của ASEAN, Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam tháng 08/2019 được xây dựng bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hợp tác cùng Tổ chức tài chính Quốc tế (IFC), và Báo cáo đánh

giá quản trị công ty các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam năm 2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Mô hình này hiện đã được một số công ty niêm yết áp dụng như SSI, VNM, NLG ... Việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty với mô hình Ủy ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị không những đáp ứng được yêu cầu của các quy định pháp luật mà còn xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với thông lệ quốc tế, hạn chế sự trùng lặp về cơ cấu tổ chức kiểm soát tại Công ty, cũng như tạo sự chủ động cho Hội đồng quản trị trong công tác kiểm soát nhằm đem lại hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp.

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

- Cơ cấu tổ chức quản lý hiện tại: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát;
- Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty đề nghị thay đổi: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc). Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ủy ban Kiểm toán và quản trị rủi ro ("*UBKT & QTRR*") trực thuộc Hội đồng quản trị.

Đồng thời, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động trong việc hoàn thiện các thủ tục, trình tự liên quan để thành lập UBKT & QTRR, bổ nhiệm các thành viên trong UBKT & QTRR cũng như xây dựng, triển khai các quy chế, quy định, điều kiện để UBKT & QTRR được vận hành và hoạt động theo đúng quy định của Điều Lệ Công Ty và pháp luật hiện hành.

2. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Với việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty tại Mục 1 nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với các cá nhân có tên sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Phúc Định	Trưởng Ban
2	Lê Văn Hậu	Thành viên
3	Bùi Thị Trà My	Thành viên

3. Sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty tại Mục 1, Mục 2 nêu trên và kịp thời cập nhật, áp dụng và tuân thủ quy định mới của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung có liên quan tại Điều Lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, với một số nội dung chính như sau:

- Cập nhật các nội dung liên quan để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;
- Sửa đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty và những nội dung liên quan;
- Bỏ các quy định về Ban Kiểm soát;

- Bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn UBKT & QTRR và sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tới việc thành lập UBKT & QTRR;
- Sửa đổi các nội dung khác có liên quan phù hợp quy định của pháp luật.

Chi tiết nội dung sửa đổi Điều Lệ Công Ty tại Phụ lục 01, quy chế nội bộ về quản trị Công ty tại Phụ lục 02 của Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua./.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
QUÁCH MỸ HOA

PHỤ LỤC 01
SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Nội dung Điều Lệ Công ty hiện hành	Nội dung Điều Lệ Công ty đề nghị thay đổi
<p>Điều 1. Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “<i>Vốn điều lệ</i>” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty có phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d. <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>đ. <i>Việt Nam</i> là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e. <i>Ngày thành lập</i> là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>f. <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>g. <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ</p>	<p>Điều 1. Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “<i>Vốn điều lệ</i>” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty có phần và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>b. <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d. “<i>Luật Chứng khoán</i>” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>e. <i>Việt Nam</i> là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f. <i>Ngày thành lập</i> là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>g. <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>h. <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ Chức khoán;</p>

<p>chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>i. <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>k. <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>l. <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>m. <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>n. <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>o. <i>Sơ giao dịch chứng khoán</i> là Sơ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	<p>j. <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>k. <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>l. <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>m. <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>n. <i>Sơ giao dịch chứng khoán</i> là Sơ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>
<p>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	<p>Bãi bỏ Điều 3.</p> <p>Cách đánh số tiêu đề mục “Điều” sẽ giảm 1 (ví dụ: tiêu đề mục “Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty” sẽ thành là “Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty”)</p> <p>Bổ sung Khoản 6 vào Điều 2</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>6. Công ty có ít nhất 01 người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc/và Tổng giám đốc (Giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của công ty.</p> <p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật</p>

<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>chuyên ngành liên quan.</p> <p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Việc điều chỉnh Vốn điều lệ được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được công bố theo quy định của pháp luật. Vốn điều lệ sau khi thực góp sẽ coi như được tự cập nhật trong Điều lệ này mà không cần phải thông qua sửa đổi Điều lệ nữa. Trong trường hợp Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần của Công ty và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần của Công ty, thì cũng coi như đã thông qua việc điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng và vào thời điểm người nắm giữ các trái phiếu nêu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua mà không cần phải xin thêm chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị coi như đã được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền để thực hiện các thủ tục và chỉ đạo hoàn tất các vấn đề có liên quan để điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng, thực hiện phương án phát hành được phê duyệt, phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên</p>
---	---

	<p>quan.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng Quản trị được quyền quyết định giá chào bán và mức chiết khấu sao cho có lợi nhất cho các cổ đông và công ty.</p>
<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>3. Trong thời hạn hợp lý kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn theo quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại chương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại chương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p> <p>5. Trong khuôn khổ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận</p>

	<p>và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần.</p>
<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>
<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban Kiểm soát; 4. Giám đốc. 	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. UBKT & QTRR (Công ty thành lập UBKT & QTRR trực thuộc HĐQT. UBKT & QTRR tham gia thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành, kiểm toán nội bộ của Công ty); 4. Tổng Giám đốc (Giám đốc).
<p>Điều 12. Quyền của Cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Error! Reference source not found. và Điều 36 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 2 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, 	<p>Điều 11. Quyền của Cổ đông 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của UBKT & QTRR, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; c. Yêu cầu UBKT & QTRR kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và

trư tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo

phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

<p>quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 0 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 0 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản Error! Reference source not found. Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này</p>

<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tài cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>c. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>
<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>d. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho</p>	<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</p>

<p>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng</p>	<p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>e. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;</p> <p>h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản</p>
---	---

<p>03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o. Tò chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chi định người thanh lý;</p> <p>p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>
<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản Error! Reference source not found. Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 0 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản Error! Reference source not found. Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p>
<p>Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên</p>	<p>Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng</p>

<p>Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Chủ tịch UBND & QTRR điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>
<p>Điều 21. Điều kiện đề Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Loại cổ phân và tổng số cổ phân của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; Tổ chức lại, giải thể Công ty; Thông qua báo cáo tài chính năm; Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Giám đốc. 	<p>Điều 20. Điều kiện đề Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông:</p> <p>1. Trừ khi các nội dung tại Khoản 1 Điều này được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Điều 21 của Điều lệ, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Loại cổ phân và tổng số cổ phân của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty; Tổ chức lại, giải thể công ty. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phân ưu đãi chi được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phân ưu đãi loại đó trở lên thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phân ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

<p>Điều 22. Tham quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>Điều 21. Tham quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông hoặc bằng email địa chỉ hòm thư điện tử đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của UBKT & QTRR hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi được thông qua nếu được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>
<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên</p>	<p>Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>

<p>bản họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>
<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty trừ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty/cổ đông nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, UBKT & QTRR, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>

<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người đến mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người đến mười một (11) người.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p>
<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p>

<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.</p> <p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc (Giám đốc).</p> <p>Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của UBND & QTRR hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến UBND & QTRR như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>UBND & QTRR có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>
<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>	<p>Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc UBND & QTRR;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và UBND & QTRR;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p>

<p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>
<p>VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 34. Người điều hành Công ty 1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty. 2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hồ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức. 3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc</p>	<p>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p> <p>Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc (Giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc (Giám đốc); Ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp,</p>

do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

quyền lợi của Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc (Giám đốc) là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc (Giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng Giám đốc (Giám đốc) có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây

<p>e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc (Giám đốc) và pháp luật.</p> <p>4. Tổng Giám đốc (Giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc (Giám đốc) mới thay thế.</p>
<p>BỘ NỘI DUNG IX. BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO</p> <p>Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của UBKT & QTRR</p> <p>1. UBKT & QTRR do HĐQT thành lập, thực hiện chức năng giám sát trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các quy định về chức năng, nhiệm vụ của UBKT & QTRR được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định, quyết định nội bộ khác.</p> <p>2. UBKT & QTRR được quyền trao đổi với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác để thu thập đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty để phục vụ hoạt động của UBKT & QTRR.</p> <p>3. UBKT & QTRR được quyền tiếp cận toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của DHDCCD và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác.</p>

4. Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT & QTRR.

7. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết

8. UBKT & QTRR có thể ban hành các quy định về cách thức hoạt động của mình và trình HĐQT thông qua. UBKT & QTRR phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên trở lên dự họp.

9. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên UBKT & QTRR do HĐQT quyết định.

10. Thành viên UBKT & QTRR được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của UBKT & QTRR hoặc thực thi các hoạt động khác của mình.

Điều 36. Cơ cấu của UBKT & QTRR

1. Số lượng thành viên của UBKT & QTRR của Công ty từ 02 (hai) thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên UBKT & QTRR không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các thành viên của UBKT & QTRR do HĐQT bổ nhiệm. Chủ tịch UBKT & QTRR phải là thành viên HĐQT độc lập.

3. Thành viên UBKT & QTRR phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện

	<p>Kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>4. Chủ tịch UBND & QTRR có quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp của UBND & QTRR;</p> <p>b. Trao đổi với HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác để thu thập các thông tin liên quan phục vụ cho hoạt động của UBND & QTRR;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của UBND & QTRR đệ trình lên HĐQT</p>
<p>Nội dung X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC</p>	<p>Bổ tất cả nội dung "Ban Kiểm soát" trong Nội dung X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC từ Điều 37 trở đi</p> <p>Thay cụm từ "Thành viên Ban Kiểm soát" thành "Thành viên UBND & QTRR" tại các Điều 42, Điều 43, Điều 44</p> <p>Thay cụm từ "Giám đốc" thành "Tổng Giám đốc (Giám đốc)" trong Nội dung X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC từ Điều 37 trở đi</p> <p>Đưa mục "Phân phối lợi nhuận" vào Chương riêng</p> <p>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p> <p>Điều 41. Phân phối lợi nhuận.</p>
<p>Điều 43. Phân phối lợi nhuận</p>	
<p>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản</p>	<p>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, UBND & QTRR, Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà</p>

lý cao cấp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch UBND & QTRR chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

PHỤ LỤC 02
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục hợp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.</p> <p>3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Quản trị rủi ro (UBKT & QTRR), Tổng Giám đốc (Giám đốc); trình tự, thủ tục hợp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và những người liên quan.</p>
<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Chữ viết tắt:</p> <p>a. “Công ty” là Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam;</p> <p>b. “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần” là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 0102403985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2007 thay đổi lần thứ 12 ngày 27/12/2019;</p> <p>c. “DHDCCD”: Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. “HDQT”: Hội đồng quản trị;</p> <p>e. “BKS”: Ban kiểm soát.</p> <p>2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HDQT, BKS; - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; 	<p>Điều 2. Định nghĩa</p> <p>1. Trong Quy chế này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Quản trị Công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả và vì quyền lợi của Cổ đông và những người liên quan đến Công ty.</p> <p>b. “Công Ty”: là Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam</p> <p>c. “Điều Lệ”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.</p> <p>d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công Ty.</p> <p>e. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông của Công Ty.</p> <p>f. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.</p> <p>g. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 56 Điều 3 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP</p>

- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b. "Công ty đại chúng" là công ty có phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán;

c. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

d. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. "Thành viên HĐQT không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác;

g. "Thành viên độc lập HĐQT" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;

h. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp; khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

k. "Quy chế" là Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

h. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" (sau đây gọi là "Thành viên độc lập") là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.

i. "Cán bộ quản lý": Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

j. Các thuật ngữ chưa được giải thích tại Quy chế này sẽ được hiểu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và Nghị Định 155/2020/NĐ-CP.

2. Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thay đổi nội dung từ các Điều 3 đến Điều 17

Chương II. CỔ ĐÔNG VÀ THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Điều 4. Đối xử công bằng giữa các Cổ đông

1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

1. Cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ sẽ thực hiện theo trình tự như sau:

a. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công Ty được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị Công ty (thông qua Người phụ trách quản trị Công ty).

b. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Người phụ trách quản trị Công ty để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên

cho cổ đông bằng đường bưu điện, qua email theo yêu cầu của cổ đông. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả phí bưu điện cho Công ty ngay khi đưa yêu cầu.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại các điểm từ a đến e Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận Văn thư của Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề xem xét, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông.

b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị Công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu UBKT & QTRR làm việc với Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc này.

d. Cổ đông phải trả phí cho việc cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

Điều 6. Cổ đông hạn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc)

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,... phải đăng ký với Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) quyết định làm việc

với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị Công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).

2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị/Tông Giám đốc (Giám đốc) và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công Ty.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho Cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.

2. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông thông qua các kênh sau: a. Website chính thức của Công ty: <https://www.pvpc.vn>

b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;

c. Thông cáo báo chí của Công Ty;

d. Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

e. Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

Chương III. TRÌNH TỰ, THỨ TỰC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thông nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:

a. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Lập xong danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không

sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

c. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.

d. Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

e. Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội, Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 9. Cổ đông yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận

văn thư của Công ty. Yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cổ đông; số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, lý do yêu cầu triệu tập, các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông, Hội đồng Quản trị phải có văn bản trả lời chính thức bằng văn bản về yêu cầu triệu tập.

c. Cổ đông có quyền yêu cầu UBKT & QTRR làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.

2. Trường hợp Cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 13 của Điều Lệ thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách cổ đông có quyền dự họp.

3. Công Ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công Ty là bên mua hàng.

Điều 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng

chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu UBKT & QTRR làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và công bố trên trang thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sản giao dịch chứng khoán, trang web của công ty và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc hợp quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng Quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

Điều 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo

pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà Cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ứng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

3. Cổ đông đến dự họp muộn vẫn được đăng ký dự họp và được biểu quyết. Chủ Tọa không có trách nhiệm phai dùng Đại Hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình thông qua đều được xem là hợp lệ ngay cả khi Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương

trình Đại hội.

Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều Lệ Công Ty có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều Lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, trường hợp được lập bằng tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 150 Luật Doanh Nghiệp.

3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo Biên bản tại Đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung, biểu quyết thông qua trước khi trình Chủ tọa ký.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm

về tình trạng thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định.

Điều 15. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông (kể cả cổ đông không dự họp) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn hai bốn (24) giờ theo quy theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông hoặc bằng email đến địa chỉ hòm thư điện tử đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít

nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều Lệ.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: thực hiện theo Khoản 3 Điều 21 Điều Lệ.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Gửi Fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của UBKT & QTRR hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: thực hiện theo Khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng

	<p>văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Thay đổi nội dung các Điều 18 đến Điều 33</p>	<p>CHƯƠNG IV. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 17. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:</p> <p>a. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.</p> <p>b. Cổ đông đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên/ Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại Điểm b Khoản 1 Điều 17 nêu trên</p>

mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử đề bầu vào Hội đồng Quản trị phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;

- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Những người từng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công Ty.
7. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đó được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.
- Điều 19. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
1. Sau khi có kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành (Giám đốc) phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Việc thực hiện bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các

trường hợp theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỜ CHỨC HỢP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 29 của Điều Lệ Công Ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.
4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Người quản trị công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.

Điều 23. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

1. Giấy mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất năm (03) ngày, trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.
2. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng giấy mời họp đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Người quản trị công ty có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của

Thành viên.

3. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty.

4. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó.

Điều 24. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng Quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 25. Bộ phiếu trước bằng văn bản

Các thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu trước bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chi được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 26: Cách thức phân đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền phân đối nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng các yêu cầu, thư ký cuộc họp ghi ý kiến phân đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng Quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trong tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c. Thời gian, địa điểm họp.
- d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng.
- h. Các vấn đề đã được thông qua.
- i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
- j. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 28. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

BÀI BỎ CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT

CHƯƠNG VI. ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 29. Cơ cấu, thành phần của UBKT & QTRR

1. Số lượng thành viên của UBKT & QTRR của Công ty là từ 02 (hai) thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên UBKT & QTRR không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các thành viên của UBKT & QTRR do Hội đồng quản trị bổ nhiệm từ các thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các cá nhân khác đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

3. Trường UBKT & QTRR là thành viên độc lập Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị chỉ định. Trường ban có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp của UBKT & QTRR;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo;

c. Lập và ký báo cáo của UBKT & QTRR đệ trình lên Hội đồng quản trị.

Điều 30. Phạm vi giới hạn đối với thành viên Kiểm toán nội bộ trong công tác kiểm toán

1. Thành viên UBKT & QTRR không thực hiện kiểm toán đối với quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình mà mình là người chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đó;

2. Thành viên UBKT & QTRR không có những xung đột về quyền và lợi ích kinh tế với đơn vị, bộ phận được kiểm toán; không được thực hiện kiểm toán đối với đơn vị, bộ phận mà người điều hành đơn vị, bộ phận đó là người có liên quan của mình;

3. Thành viên UBKT & QTRR không được tham gia kiểm toán các hoạt động, các bộ phận mà mình chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận đó trong thời hạn ba (03) năm kể từ khi có quyết định không thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận đó.

Điều 31. Tiêu chuẩn của Thành viên UBKT & QTRR

Thành viên UBKT & QTRR phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 32. Quyền và Trách nhiệm của UBKT & QTRR

1. UBKT & QTRR có các trách nhiệm sau:

- a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc (Giám đốc) nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- c. Đánh giá việc tuân thủ chính sách và quy trình nội bộ;
- d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
- g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;

	<p>m. Lập báo cáo kiểm toán, kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt;</p> <p>n. Kiểm toán đột xuất, tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Tư vấn cho Công ty trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập; duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả;</p> <p>p. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. UBKT & QTRR có các quyền sau:</p> <p>a. Ủy ban Kiểm toán được quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty.</p> <p>b. Ủy ban Kiểm toán được quyền yêu cầu nhận toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác; vào cùng thời điểm và theo phương thức mà Người phụ trách quản trị Công ty cung cấp cho các cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>Điều 33. Cuộc họp của UBKT & QTRR</p> <p>1. UBKT & QTRR có thể họp định kỳ hoặc bất thường bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán nội bộ quy định.</p> <p>2. Ủy ban Kiểm toán phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm. Cuộc họp bất thường được triệu tập khi có đề nghị của một trong số các đối tượng sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổng Giám đốc (Giám đốc).</p> <p>3. Trưởng UBKT & QTRR có trách nhiệm triệu tập cuộc họp định kỳ và bất</p>
--	--

thường trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tại Khoản 2 Điều này, và quyết định hình thức hợp phù hợp để tạo điều kiện cho các thành viên cùng tham gia.

4. Cuộc họp UBKT & QTRR hợp lệ khi có 2/3 thành viên tham dự. Trường UBKT & QTRR có thể mời Người điều hành công ty và các quản lý khác của đơn vị có liên quan tham dự cuộc họp. Những người được mời chỉ có quyền trình bày ý kiến theo yêu cầu của UBKT & QTRR và không được tham gia biểu quyết.

5. UBKT & QTRR biểu quyết theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên có 01 phiếu biểu quyết. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì ý kiến của Trường Ủy ban Kiểm toán nội bộ là ý kiến quyết định.

6. Thành viên UBKT & QTRR không được biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực do chính thành viên đó phụ trách.

7. Trường UBKT & QTRR có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về các nội dung quan trọng sau khi kết thúc cuộc họp, đồng thời lập Báo cáo kiểm toán gửi đến Hội đồng quản trị trong phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị hoặc khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên UBKT & QTRR

1. Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

<p>Thay đổi nội dung CHƯƠNG VI. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p>	<p>CHƯƠNG VII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, CÁN BỘ QUẢN LÝ</p> <p>Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý</p> <p>1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) và điều kiện làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) tuân thủ theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh Nghiệp.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc):</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.</p> <p>b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.</p> <p>c. Về trình độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên. - Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm. <p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng.</p> <p>a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.</p>
---	--

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.
- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
- Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

Điều 36. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm bổ nhiệm lại cán bộ quản lý

Thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý thực hiện theo quy chế quản lý cán bộ của công ty.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý

1. Cán bộ quản lý xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 45 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị thì cán bộ quản lý đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và

	<p>thị trường chứng khoán.</p>
<p>Bài bỏ nội dung có Ban Kiểm soát trong CHƯƠNG VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC</p>	<p>CHƯƠNG VIII. QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, UBNDT & QTRR VÀ TÔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)</p> <p>MỤC 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 39. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy điều hành riêng, khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty hoặc sử dụng cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty để làm Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.</p> <p>Điều 40. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc</p>

của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, mãn cán, thận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 41: Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 42. Nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm sau:
 - a. Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Soạn thảo các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị;
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - f. Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - g. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;
 - i. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ

công ty. Phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị.

j. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

2. Được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động được ký với Hội đồng quản trị.

Điều 43. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật chi được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phò biến ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị, ngoại trừ trường hợp những người ủy quyền dự họp theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này và các trường hợp theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

MỤC 2. TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

Điều 44. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc)

1. Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao
3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc (Giám đốc) được quy định tại Điều 34 của Điều lệ Công Ty.

Điều 45. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc (Giám đốc) chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 46. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc)

	<p>1. Tổng Giám đốc (Giám đốc) là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng Quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc (Giám đốc) nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.</p> <p>4. Tổng Giám đốc (Giám đốc) có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian sớm nhất.</p> <p>5. Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc).</p> <p>MỨC 3. ỦY BAN KIỂM TOÁN & QUẢN TRỊ RỦI RO</p> <p>Điều 47. Các nguyên tắc hoạt động của UBKT & QTRR</p> <p>1. UBKT & QTRR phải báo cáo trực tiếp bằng văn bản với HĐQT và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo công ty tuân thủ mọi quy định của pháp luật;</p> <p>2. Thành viên UBKT & QTRR thực hiện các công việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp;</p> <p>3. Thành viên UBKT & QTRR không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi</p>
--	---

việc tiết lộ thông tin theo yêu cầu pháp luật;

4. Thành viên UBKT & QTRR phải trung thực, khách quan trong việc đưa ra các kết luận của mình.

Điều 48. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, UBKT & QTRR và Tổng Giám đốc (Giám đốc)

1. UBKT & QTRR phải thường xuyên phối hợp, báo cáo với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của UBKT & QTRR, báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty gửi Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty theo yêu cầu của UBKT & QTRR, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. UBKT & QTRR không được tiết lộ bí mật của Công ty; phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho UBKT & QTRR và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

Thay đổi nội dung **CHƯƠNG VIII. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

CHƯƠNG IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN UBKT & QTRR, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 49. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý điều hành khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành.
2. Chủ tịch UBKT & QTRR tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên UBKT & QTRR.
3. Tổng Giám đốc (Giám đốc) chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng phòng, phân xưởng sản xuất trong công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
 - a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - c. Hoàn thành nhiệm vụ
 - d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 50. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều Hành; Tổng Giám đốc (Giám đốc) trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) để xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 49.
2. Chế độ khen thưởng
 - a. Bằng tiền.
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

	<p>3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của công ty.</p> <p>4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.</p> <p>Điều 51. Xử lý vi phạm và kỷ luật</p> <p>1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, Cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Thay đổi nội dung CHƯƠNG IX. NGÂN NGŨA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH</p>	<p>CHƯƠNG X. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</p> <p>Điều 52. Nghĩa vụ công bố thông tin</p> <p>1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty theo quy chế công bố thông tin của Công ty. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư</p> <p>2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.</p>

	<p>Điều 53: Tổ chức công bố thông tin</p> <ol style="list-style-type: none">Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:<ol style="list-style-type: none">Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chínhĐề nghị bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tinCán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Người phụ trách quản trị công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệmCán bộ chuyên trách về công bố thông tin phải là người:<ol style="list-style-type: none">Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
	<p>Bổ sung CHƯƠNG XI. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</p> <p>Điều 54. Giám sát</p> <p>Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 55. Xử lý vi phạm</p> <p>Trương hợp công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.</p>

**Sửa đổi, bổ sung CHƯƠNG X. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ
QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ CHƯƠNG XI. NGÀY HIỆU LỰC**

CHƯƠNG XII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 57. Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 12 chương, 58 điều đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 04 năm 2022. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, Hội đồng Quản trị họp xem xét, quyết định sửa và thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 58. Hiệu lực

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.

2. Các thành viên trong Hội đồng quản trị, UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), các Cổ đông và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực Quy chế này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*(Được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số
01./2022/PPE/NQ-DHĐCD ngày 28/4./2022)*

Hà Nội, tháng 04 năm 2022



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	11
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	12
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	12
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	13
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	14
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	14
Điều 9. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	14
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	15
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	15
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
Điều 11. Quyền của cổ đông	15
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	17
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	21
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	21
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	26
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	34
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	34
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	36
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	37
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	37
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp.....	37
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc)	38
CHƯƠNG IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO	39
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của UBKT & QTRR	39
Điều 36. Cơ cấu của UBKT & QTRR	40
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN UBKT & QTRR, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)	40
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	40
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	42
Điều 39. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	42
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	43
Điều 40. Công nhân viên và công đoàn	43
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	43
Điều 41. Phân phối lợi nhuận	43
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	44
Điều 42. Tài khoản ngân hàng	44
Điều 43. Năm tài chính.....	44

Điều 44. Chế độ kế toán	44
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	44
Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	44
Điều 46. Báo cáo thường niên.....	45
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	45
Điều 47. Kiểm toán.....	45
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	45
Điều 48. Dấu của doanh nghiệp	45
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	45
Điều 49. Giải thể công ty.....	45
Điều 50. Gia hạn hoạt động	46
Điều 51. Thanh lý	46
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	47
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 53: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	47
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	48
Điều 54. Ngày hiệu lực	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam tổ chức chính thức vào ngày 14 tháng 05 năm 2021.

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “*Vốn điều lệ*” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
- b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d. “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

- m. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
 - Tên tiếng Anh: Petrovietnam Power Engineering Consulting Joint Stock Company
 - Tên viết tắt: PV Power Engineering., JSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12 Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.
 - Điện thoại: (+84) 283.700.5885
 - Website: <http://www.pvpe.vn>
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

6. Công ty có ít nhất 01 người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc/và Tổng giám đốc (Giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III.

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

STT	Ngành	Mã ngành
1	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3	Phá dỡ	4311
4	Chuẩn bị mặt bằng	4312
5	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
7	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng trong các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, phong điện và điện mặt trời (trừ loại Nhà nước cấm)	4659
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm)	8299
11	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619

	Chi tiết: - Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM).	
12	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV; Thẩm tra thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh); Thí nghiệm cơ lý đất, đá, cuội, sỏi, nước ngầm; Dịch vụ kỹ thuật: bảo dưỡng, bảo trì, đại tu các nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần khác có liên quan (chỉ kinh doanh ngành nghề này khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); - Lập hồ sơ dự thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, hồ sơ dự thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; - Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện; - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; - Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực: xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình; - Thiết kế kiến trúc, thiết kế quy hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật; - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; - Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; - Khảo sát trắc địa công trình; - Khảo sát địa chất công trình; - Khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; - Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ; - Thiết kế xây dựng công trình điện; - Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện; - Thiết kế công trình trên sông; - Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; - Thiết kế công trình cầu, đường bộ; - Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; - Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; - Quản lý, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập tổng</p>	7110

	dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng, điện mặt trời và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh); - Tư vấn vận hành, bảo dưỡng và nâng cấp các nhà máy điện; - Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; Kiểm định công trình xây dựng;	
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp (chỉ hoạt động ngành nghề này khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	7120
14	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyên gia công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;	7490 (Chính)
15	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
16	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19	Khai thác quặng sắt	0710
20	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
21	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
22	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990

24	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
25	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
26	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
28	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
29	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
32	Bốc xếp hàng hóa	5224
33	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
34	Đại lý du lịch	7911
35	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
36	Sản xuất điện	3511
37	Tái chế phế liệu	3830
38	Xây dựng nhà để ở	4101
39	Xây dựng nhà không để ở	4102
40	Xây dựng công trình đường sắt	4211

41	Xây dựng công trình đường bộ	4212
42	Xây dựng công trình điện	4221
43	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
44	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
45	Xây dựng công trình công ích khác	4229
46	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, viễn thông, công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, giao thông, công trình ngầm, cơ sở hạ tầng. Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch cửa cống...; Xây dựng đập và đê; Xây dựng đường hầm và các công trình thể thao ngoài trời.	4299
47	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ hoạt động bán lẻ vàng, bán lẻ tem, tiền kim khí, bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao)	4773

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất;
- Công ty không ngừng tổ chức và phát triển các hoạt động kinh doanh đa ngành nghề nhằm thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước trên cơ sở minh bạch trong kinh doanh;
- Tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng, đảm bảo phát triển theo hướng hội nhập quốc tế.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **20.000.000.000 VND** (Hai mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **2.000.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần (Mười nghìn đồng).

2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Việc điều chỉnh Vốn điều lệ được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được công bố theo quy định của pháp luật. Vốn điều lệ sau khi thực góp sẽ coi như được tự cập nhật trong Điều lệ này mà không cần phải thông qua sửa đổi Điều lệ nữa. Trong trường hợp Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần của Công ty và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần của Công ty, thì cũng coi như đã thông qua việc điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng và vào thời điểm người nắm giữ các trái phiếu nêu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua mà không cần phải xin thêm chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị coi như đã được Đại hội đồng Cổ đông uỷ quyền để thực hiện các thủ tục và chỉ đạo hoàn tất các vấn đề có liên quan để điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng, thực hiện phương án phát hành được phê duyệt, phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký

mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng Quản trị được quyền quyết định giá chào bán và mức chiết khấu sao cho có lợi nhất cho các cổ đông và Công ty.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

5. Trong khuôn khổ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu

hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. UBKT & QTRR (Công ty thành lập UBKT & QTRR trực thuộc HĐQT. UBKT & QTRR tham gia thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành, kiểm toán nội bộ của Công ty);
4. Tổng Giám đốc (Giám đốc).

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- f. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - h. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của UBKT & QTRR, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu UBKT & QTRR kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- c. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 - d. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được

tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông

trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ

chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - b. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Chủ tịch UBKT & QTRR điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp họp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Trừ khi các nội dung tại Khoản 1 Điều này được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Điều 21 của Điều lệ, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở

lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông hoặc bằng email đến địa chỉ hòm thư điện tử đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của UBKT & QTRR hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

2. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty/cổ đông nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, UBKT & QTRR, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông

hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan đến Công ty (nếu có);
 - g. Các thông tin khác (nếu có);
 - h. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người đến mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - b. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc (Giám đốc).
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ

lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của UBKT & QTRR hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến UBKT & QTRR như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

UBKT & QTRR có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc UBKT & QTRR;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và UBKT & QTRR;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc (Giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc (Giám đốc).

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc (Giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc (Giám đốc) là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc (Giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc (Giám đốc) có những quyền hạn và trách nhiệm sau :
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc (Giám đốc) và pháp luật.
4. Tổng Giám đốc (Giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc (Giám đốc) mới thay thế.

CHƯƠNG IX.

ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của UBKT & QTRR

1. UBKT & QTRR do Hội đồng quản trị thành lập, thực hiện chức năng giám sát trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các quy định về chức năng, nhiệm vụ của UBKT & QTRR được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định, quyết định nội bộ khác.
2. UBKT & QTRR được quyền trao đổi với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác để thu thập đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty để phục vụ hoạt động của UBKT & QTRR.
3. UBKT & QTRR được quyền tiếp cận toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT & QTRR.
7. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
8. UBKT & QTRR có thể ban hành các quy định về cách thức hoạt động của mình và trình HĐQT thông qua. UBKT & QTRR phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên trở lên dự họp.

9. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên UBKT & QTRR do Hội đồng quản trị quyết định.
10. Thành viên UBKT & QTRR được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của UBKT & QTRR hoặc thực thi các hoạt động khác của mình.

Điều 36. Cơ cấu của UBKT & QTRR

1. Số lượng thành viên của UBKT & QTRR của Công ty từ 02 (hai) thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên UBKT & QTRR không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các thành viên của UBKT & QTRR do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Chủ tịch UBKT & QTRR phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
3. Thành viên UBKT & QTRR phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
4. Chủ tịch UBKT & QTRR có quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp của UBKT & QTRR;
 - b. Trao đổi với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác để thu thập các thông tin liên quan phục vụ cho hoạt động của UBKT & QTRR;
 - c. Lập và ký báo cáo của UBKT & QTRR đệ trình lên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG X.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN UBKT & QTRR, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng

nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QRTT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QRTT, Tổng Giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QRTT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QRTT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QRTT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc

đang là Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QRTT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 39. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên UBKT & QRTT, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 48. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 49. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 50. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;

- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch UBKT & QTRR chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**CHƯƠNG XXI.
NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 23 chương, 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua ngày 28 tháng 4, năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



QUÁCH MỸ HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số
01/2022/PPE/NQ-DHĐCD ngày 28/4/2022)

Hà Nội, tháng 04 năm 2022



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG	1
ĐIỀU 2. ĐỊNH NGHĨA	1
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	2
ĐIỀU 3. THỜI ĐIỂM PHÁT SINH QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	2
ĐIỀU 4. ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG	2
ĐIỀU 5. CỔ ĐÔNG YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN	2
ĐIỀU 6. CỔ ĐÔNG HẸN LÀM VIỆC TRỰC TIẾP VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)	3
ĐIỀU 7. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CỔ ĐÔNG VÀ CÔNG CHÚNG	3
CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
ĐIỀU 8. THÔNG BÁO TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN	4
ĐIỀU 9. CỔ ĐÔNG YÊU CẦU TRIỆU TẬP CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	4
ĐIỀU 10. CỔ ĐÔNG YÊU CẦU BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
ĐIỀU 11. CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ VÀ ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	5
ĐIỀU 12. CÁCH THỨC BỎ PHIẾU, KIỂM PHIẾU, THÔNG BÁO KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT.....	6
ĐIỀU 13. CÁCH THỨC PHẢN ĐỐI, YÊU CẦU HỦY BỎ BIÊN BẢN HỌP, NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
ĐIỀU 14. GHI VÀ LẬP BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
ĐIỀU 15. THÔNG BÁO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHO CỔ ĐÔNG VÀ CÔNG BỐ RA CÔNG CHÚNG	7
ĐIỀU 16. THĂM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
CHƯƠNG IV. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
ĐIỀU 17. TRÌNH TỰ, CÁCH THỨC, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
ĐIỀU 18. CÁCH THỨC BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
ĐIỀU 19. BẦU CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
ĐIỀU 20. CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN NHIỆM, BỎ NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
ĐIỀU 21. THÔNG BÁO VỀ BẦU, MIỄN NHIỆM, BỎ NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
ĐIỀU 22. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
ĐIỀU 23. THÔNG BÁO HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
ĐIỀU 24. ỦY QUYỀN THAM DỰ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11

ĐIỀU 25. BỎ PHIẾU TRƯỚC BẢNG VẤN BÀN	11
ĐIỀU 26. CÁCH THỨC PHẢN ĐỐI, YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
ĐIỀU 27. BIÊN BẢN VÀ THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
ĐIỀU 28. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
CHƯƠNG VI. ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO.....	12
ĐIỀU 29. CƠ CẤU, THÀNH PHẦN CỦA UBKT & QTRR.....	12
ĐIỀU 30. PHẠM VI GIỚI HẠN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN.....	13
ĐIỀU 31. TIÊU CHUẨN CỦA THÀNH VIÊN UBKT & QTRR.....	13
ĐIỀU 32. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA UBKT & QTRR	13
ĐIỀU 33. CUỘC HỌP CỦA UBKT & QTRR	14
ĐIỀU 34. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN UBKT & QTRR	14
CHƯƠNG VII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	15
ĐIỀU 35. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	15
ĐIỀU 36. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỎ NHIỆM BỎ NHIỆM LẠI CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	16
ĐIỀU 37. CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	16
ĐIỀU 38. THÔNG BÁO BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ	16
CHƯƠNG VIII. QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, UBKT & QTRR VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC).....	16
ĐIỀU 39. BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH VÀ GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
ĐIỀU 40. PHÂN CÔNG, PHÂN NHIỆM GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
ĐIỀU 41. ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
ĐIỀU 42. NHIỆM VỤ CỦA CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	17
ĐIỀU 43. BẢO MẬT THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
ĐIỀU 44. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC).....	18
ĐIỀU 45. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) TRONG VIỆC CHUẨN BỊ NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
ĐIỀU 46. MỐI QUAN HỆ CÔNG VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC).....	18
ĐIỀU 47. CÁC NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA UBKT & QTRR.....	19
ĐIỀU 48. MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, UBKT & QTRR VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)	19
CHƯƠNG IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN UBKT & QTRR, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KHÁC	20
ĐIỀU 49. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN UBKT & QTRR, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	20

ĐIỀU 50. KHEN THƯỞNG	20
ĐIỀU 51. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KỶ LUẬT	20
CHƯƠNG X. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	21
ĐIỀU 52. NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN	21
ĐIỀU 53. TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN	21
CHƯƠNG XI. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	21
ĐIỀU 54. GIÁM SÁT	21
ĐIỀU 55. XỬ LÝ VI PHẠM.....	21
CHƯƠNG XII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
ĐIỀU 56. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	21
ĐIỀU 57. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	22
ĐIỀU 58. HIỆU LỰC.....	22

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01./2022/PPE/NQ-DHDCĐ ngày 28 tháng 04... năm 2022;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Quản trị rủi ro (UBKT & QTRR), Tổng Giám đốc (Giám đốc); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và những người liên quan.

Điều 2. Định nghĩa

1. Trong Quy chế này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị Công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những người liên quan đến Công ty.
 - b. “Công Ty”: là Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - c. “Điều Lệ”: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.
 - d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công Ty.
 - e. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông của Công Ty.
 - f. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.
 - g. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị

được quy định tại Khoản 56 Điều 3 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP

- h. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là “Thành viên độc lập”) là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.
 - i. “Cán bộ quản lý”: Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - j. Các thuật ngữ chưa được giải thích tại Quy chế này sẽ được hiểu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và Nghị Định 155/2020/NĐ-CP.
2. Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II.

CỔ ĐÔNG VÀ THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Điều 4. Đối xử công bằng giữa các Cổ đông

1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

1. Cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ sẽ thực hiện theo trình tự như sau:
 - a. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công Ty được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị Công ty (thông qua Người phụ trách quản trị Công ty).
 - b. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Người phụ trách quản trị Công ty để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện, qua email theo yêu cầu của cổ đông. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả phí bưu điện cho Công ty ngay

khi đưa yêu cầu.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại các điểm từ a đến e Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ theo trình tự như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận Văn thư của Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề xem xét, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông.
 - b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị Công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản.
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu UBKT & QTRR làm việc với Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc này.
 - d. Cổ đông phải trả phí cho việc cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

Điều 6. Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc)

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,... phải đăng ký với Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) quyết định làm việc với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị Công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).
2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công Ty.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho Cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.
2. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông thông qua các kênh sau:
 - a. Website chính thức của Công ty: <https://www.pvpe.vn>
 - b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;
 - c. Thông cáo báo chí của Công Ty;
 - d. Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;

- e. Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty hợp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:
 - a. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Lập xong danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
 - c. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.
 - d. Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - e. Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 9. Cổ đông yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty. Yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, lý do yêu cầu triệu tập, các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội,

chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.

- b. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông, Hội đồng Quản trị phải có văn bản trả lời chính thức bằng văn bản về yêu cầu triệu tập.
 - c. Cổ đông có quyền yêu cầu UBKT & QTRR làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.
2. Trường hợp Cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 13 của Điều Lệ thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách cổ đông có quyền dự họp.
 3. Công Ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công Ty là bên mua hàng.

Điều 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.
 - b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu UBKT & QTRR làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và công bố trên trang thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sàn giao dịch chứng khoán, trang web của công ty và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.
2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều Lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng Quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

Điều 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, đăng ký

trực tuyến, đăng ký qua điện thoại, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.
 - d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà Cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.
 - a. Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến được quy định tại Phụ lục 01.
 - b. Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tiếp kết hợp trực tuyến được quy định tại Phụ lục 02.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
3. Cổ đông đến dự họp muộn vẫn được đăng ký dự họp và được biểu quyết. Chủ Tọa không có trách nhiệm phải dừng Đại Hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình thông qua đều được xem là hợp lệ ngay cả khi Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

Điều 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều Lệ Công Ty có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu Nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.
2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều Lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.
3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, trường hợp được lập bằng tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 150 Luật Doanh Nghiệp.
3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo Biên bản tại Đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung, biểu quyết thông qua trước khi trình Chủ tọa ký.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định.

Điều 15. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông (kể cả cổ đông không dự họp) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.
2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn hai bốn (24) giờ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông).

Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông hoặc bằng email đến địa chỉ hòm thư điện tử đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều Lệ.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: thực hiện theo Khoản 3 Điều 21 Điều Lệ.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi Fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của UBKT & QTRR hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: thực hiện theo Khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết, Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV.

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:

- a. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.
 - b. Cổ đông đồng sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên/ Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại Điểm b Khoản 1 Điều 17 nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.
 4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.
2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.
3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.
5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
 - a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
 - b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
 - c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Những người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ Công Ty.
 7. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đó được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

Điều 19. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành (Giám đốc) phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thực hiện bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 21. Điều 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 29 của Điều Lệ Công Ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.
4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Người quản trị công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản

trị và đại biểu được mời họp.

Điều 23. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

1. Giấy mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất năm (03) ngày, trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.
2. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng giấy mời họp đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Người quản trị công ty có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.
3. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty.
4. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó.

Điều 24. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng Quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 25. Bỏ phiếu trước bằng văn bản

Các thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu trước bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 26. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng các yêu cầu, thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.
2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng Quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c. Thời gian, địa điểm họp.
 - d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua.
 - i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
 - j. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định.
 4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 28. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI.

ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 29. Cơ cấu, thành phần của UBKT & QTRR

1. Số lượng thành viên của UBKT & QTRR của Công ty là từ 02 (hai) thành viên trở lên. Nhiệm kỳ của thành viên UBKT & QTRR không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các thành viên của UBKT & QTRR do Hội đồng quản trị bổ nhiệm từ các thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các cá nhân khác đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
3. Trưởng UBKT & QTRR là thành viên độc lập Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị chỉ định. Trưởng ban có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp của UBKT & QTRR;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo;

c. Lập và ký báo cáo của UBKT & QTRR đệ trình lên Hội đồng quản trị.

Điều 30. Phạm vi giới hạn đối với thành viên Kiểm toán nội bộ trong công tác kiểm toán

1. Thành viên UBKT & QTRR không thực hiện kiểm toán đối với quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình mà mình là người chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đó;
2. Thành viên UBKT & QTRR không có những xung đột về quyền và lợi ích kinh tế với đơn vị, bộ phận được kiểm toán; không được thực hiện kiểm toán đối với đơn vị, bộ phận mà người điều hành đơn vị, bộ phận đó là người có liên quan của mình;
3. Thành viên UBKT & QTRR không được tham gia kiểm toán các hoạt động, các bộ phận mà mình chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận đó trong thời hạn ba (03) năm kể từ khi có quyết định không thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận đó.

Điều 31. Tiêu chuẩn của Thành viên UBKT & QTRR

Thành viên UBKT & QTRR phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 32. Quyền và Trách nhiệm của UBKT & QTRR

1. UBKT & QTRR có các trách nhiệm sau:
 - a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc (Giám đốc) nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c. Đánh giá việc tuân thủ chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;
 - m. Lập báo cáo kiểm toán, kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt;
 - n. Kiểm toán đột xuất, tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - o. Tư vấn cho Công ty trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập; duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập nhằm đảm

bảo hợp tác có hiệu quả;

p. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

2. UBKT & QTRR có các quyền sau:

a. Ủy ban Kiểm toán được quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty.

b. Ủy ban Kiểm toán được quyền yêu cầu nhận toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác; vào cùng thời điểm và theo phương thức mà Người phụ trách quản trị Công ty cung cấp cho các cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 33. Cuộc họp của UBKT & QTRR

1. UBKT & QTRR có thể họp định kỳ hoặc bất thường bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán nội bộ quy định.

2. Ủy ban Kiểm toán phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm. Cuộc họp bất thường được triệu tập khi có đề nghị của một trong số các đối tượng sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

b. Tổng Giám đốc (Giám đốc).

3. Trưởng UBKT & QTRR có trách nhiệm triệu tập cuộc họp định kỳ và bất thường trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tại Khoản 2 Điều này, và quyết định hình thức họp phù hợp để tạo điều kiện cho các thành viên cùng tham gia.

4. Cuộc họp UBKT & QTRR họp lệ khi có 2/3 thành viên tham dự. Trưởng UBKT & QTRR có thể mời Người điều hành công ty và các quản lý khác của đơn vị có liên quan tham dự cuộc họp. Những người được mời chỉ có quyền trình bày ý kiến theo yêu cầu của UBKT & QTRR và không được tham gia biểu quyết.

5. UBKT & QTRR biểu quyết theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên có 01 phiếu biểu quyết. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì ý kiến của Trưởng Ủy ban Kiểm toán nội bộ là ý kiến quyết định.

6. Thành viên UBKT & QTRR không được biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực do chính thành viên đó phụ trách.

7. Trưởng UBKT & QTRR có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về các nội dung quan trọng sau khi kết thúc cuộc họp, đồng thời lập Báo cáo kiểm toán gửi đến Hội đồng quản trị trong phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị hoặc khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên UBKT & QTRR

1. Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) và điều kiện làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) tuân thủ theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh Nghiệp.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc):
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
 - b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.
 - c. Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng.
 - a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.
 - b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.
 - c. Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
 - Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

Điều 36. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý thực hiện theo quy chế quản lý cán bộ của công ty.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý

1. Cán bộ quản lý xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 45 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị thì cán bộ quản lý đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý trong trường hợp sau:
 - a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII.

QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, UBKT & QTRR VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

MỤC 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 39. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy điều hành riêng, khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty hoặc sử dụng cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty để làm Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Điều 40. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, tận tâm, thận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 41. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.
2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.
6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 42. Nhiệm vụ của của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm sau:
 - a. Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Soạn thảo các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị;
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - f. Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho

các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;

- g. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;
 - i. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị.
 - j. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.
2. Được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động được ký với Hội đồng quản trị.

Điều 43. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật chỉ được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phổ biến ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị, ngoại trừ trường hợp những người ủy quyền dự họp theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này và các trường hợp theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

MỤC 2. TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

Điều 44. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc)

1. Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao
3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc (Giám đốc) được quy định tại Điều 34 của Điều lệ Công Ty.

Điều 45. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc (Giám đốc) chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 46. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc)

1. Tổng Giám đốc (Giám đốc) là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng Quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị
2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối

với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.

3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc (Giám đốc) nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Tổng Giám đốc (Giám đốc) có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian sớm nhất.
5. Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc).

MỤC 3. ỦY BAN KIỂM TOÁN & QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 47. Các nguyên tắc hoạt động của UBKT & QTRR

1. UBKT & QTRR phải báo cáo trực tiếp bằng văn bản với HĐQT và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo công ty tuân thủ mọi quy định của pháp luật;
2. Thành viên UBKT & QTRR thực hiện các công việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp;
3. Thành viên UBKT & QTRR không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi việc tiết lộ thông tin theo yêu cầu pháp luật;
4. Thành viên UBKT & QTRR phải trung thực, khách quan trong việc đưa ra các kết luận của mình.

Điều 48. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, UBKT & QTRR và Tổng Giám đốc (Giám đốc)

1. UBKT & QTRR phải thường xuyên phối hợp, báo cáo với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của UBKT & QTRR, báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty gửi Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty theo yêu cầu của UBKT & QTRR, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. UBKT & QTRR không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho UBKT & QTRR và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

CHƯƠNG IX.

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN UBKT & QTRR, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 49. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý điều hành khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành.
2. Chủ tịch UBKT & QTRR tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên UBKT & QTRR.
3. Tổng Giám đốc (Giám đốc) chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng phòng, phân xưởng sản xuất trong công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
 - a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - c. Hoàn thành nhiệm vụ
 - d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 50. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều Hành; Tổng Giám đốc (Giám đốc) trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 49.
2. Chế độ khen thưởng
 - a. Bằng tiền.
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của công ty.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 51. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu

trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, Cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty theo quy chế công bố thông tin của Công ty. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 53. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.
 - b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Người phụ trách quản trị công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm
3. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin phải là người:
 - a. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
 - d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

CHƯƠNG XI. CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 54. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Xử lý vi phạm

Trường hợp công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 57. Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 12 chương, 58 điều đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 04 năm 2022. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, Hội đồng Quản trị họp xem xét, quyết định sửa và thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 58. Hiệu lực

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.
2. Các thành viên trong Hội đồng quản trị, UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), các Cổ đông và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




NGUYỄN THỊ HẢI MINH

Số: CS/2022/PPE/TTr-HDQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4, năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi tên Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều lệ Công ty”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.

Nhằm đẩy mạnh cơ cấu đầu tư, kinh doanh các lĩnh vực của Công ty, nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty với các công ty cùng lĩnh vực. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch và quảng bá hình ảnh Công ty, Hội đồng quản trị trình nội dung thay đổi tên Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam, như sau:

1. Tên Công ty hiện tại: Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.
2. Tên Công ty đề nghị thay đổi: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise
3. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi Tên Công ty như trên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
 - Thực hiện các thủ tục nộp, nhận hồ sơ và ký tên trên các hồ sơ có liên quan đến việc thay đổi Tên Công ty tại cơ quan có thẩm quyền.
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tương ứng với việc thay đổi Tên Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét và thông qua./.

TM-HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



QUÁCH MỸ HOA



TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều lệ Công ty”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.

Nhằm đẩy mạnh cơ cấu đầu tư, kinh doanh các lĩnh vực của Công ty, nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty trên thị trường, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị trình nội dung thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam, như sau:

1. Ngành, nghề kinh doanh chính hiện tại: Mã ngành 7490 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường).
2. Ngành, nghề kinh doanh chính đề nghị thay đổi: Mã ngành 6810 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
3. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Thực hiện các thủ tục nộp, nhận hồ sơ và ký tên trên các hồ sơ có liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty tại cơ quan có thẩm quyền.
 - Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tương ứng với việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét và thông qua./.



QUÁCH MỸ HOA

Số: 10/2022/PPE/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi địa chỉ trụ sở chính

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều lệ Công ty”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.

Nhằm đẩy mạnh cơ cấu đầu tư, kinh doanh các lĩnh vực của Công ty, nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty với các công ty cùng lĩnh vực. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch và quảng bá hình ảnh Công ty, Hội đồng quản trị trình nội dung thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam, như sau:

1. Địa chỉ trụ sở chính hiện tại: Tầng 12, Tòa nhà CharmVit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
2. Địa chỉ trụ sở chính đề nghị thay đổi: số 20 - 22 - 24 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
3. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
 - Lựa chọn thời điểm thích hợp thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi trụ sở chính Công ty như trên theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Thực hiện các thủ tục nộp, nhận hồ sơ và ký tên trên các hồ sơ có liên quan đến việc thay đổi trụ sở chính Công ty tại cơ quan có thẩm quyền.
 - Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tương ứng với việc thay đổi trụ sở chính Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét và thông qua./.



QUÁCH MỸ HOA

Số: 11/2022/PPE/TT-ĐHQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4, năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (“Luật Doanh Nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng Khoán”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về việc hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều Lệ Công Ty”);
- Căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế.

Để phù hợp với tình hình quản trị, Hội đồng Quản trị nhận thấy một số điều khoản của Quy chế nội bộ về quản trị cần được sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020, theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Ngoài ra, căn cứ khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán: “*Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty*”. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã xây dựng bổ sung phụ lục đính kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty như sau:

- **Phụ lục 01:** Quy chế hướng dẫn tham dự họp đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.
- **Phụ lục 02:** Quy chế hướng dẫn tham dự họp đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Vì vậy, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua những điểm sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị theo Phụ lục được đính kèm Tờ trình này và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua./

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



QUÁCH MỸ HOA

039
G T
N TU
LC DA
T N
AY -

**BẢNG LIỆT KÊ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Đính kèm Tờ trình số/2022/PPE/TTr-HDQT ngày .../.../2022)

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
1	<p>Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCD</p> <p>Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 1 Điều 11 Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, <u>đăng ký trực tuyến, đăng ký</u> qua điện thoại, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung trường hợp đăng ký tham dự ĐHĐCD khi tổ chức ĐHĐCD trực tuyến</p>
2	<p>Khoản 1 Điều 10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCD</p> <p>Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm</p>	<p>Khoản 1 Điều 12: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết</p> <p>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà Cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.</p> <p><u>a.Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCD trực tuyến được quy định tại Phụ lục 01.</u></p> <p><u>b. Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCD trực tiếp kết hợp trực tuyến được quy định tại Phụ lục 02.</u></p>	<p>Bổ sung trường hợp họp khi tổ chức ĐHĐCD trực tuyến</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Đề nghị sửa đổi	Giải thích
	phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu hoặc nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba (03) người.		

PHỤ LỤC 01
QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA
NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

1. Quy định chung

- a. Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến (e-GMS) trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.
- b. Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính theo quy định trong phụ lục 01 đính kèm Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến)

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cụ thể người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ gửi thông báo mời họp và các tài liệu của cuộc họp cho các cổ đông của Công ty hoặc đăng tải các tài liệu này lên website của Công ty. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các Cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

3. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

- a. Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho Cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Theo đó, Cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách Cổ đông để tham dự họp.
- b. Cổ đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến khi và chỉ khi đã kê khai và xác thực tư cách Cổ đông. Ban tổ chức cũng đảm bảo rằng quyền truy cập của Cổ đông là duy nhất và mỗi Cổ đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến tại một thời điểm nhất định.
- c. Ban tổ chức cũng sẽ cung cấp cho các Cổ đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ Cổ đông truy cập và tham gia cuộc họp.

4. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số Cổ đông đăng ký tham dự họp và truy cập vào phòng họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Điều lệ Công ty.

5. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

- a. Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các Cổ đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang

thiết bị điện tử mà Công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các Cổ đông trước mỗi kỳ đại hội.

- b. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email hoặc số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của Cổ đông trước khi kết thúc kiểm phiếu.

6. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

- a. Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các Cổ đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà Công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các Cổ đông trước mỗi kỳ đại hội.
- b. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email hoặc số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của Cổ đông trước khi kết thúc kiểm phiếu.

7. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định cụ thể tại Điều 14 của Quy chế này.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

PHỤ LỤC 02

QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

1. Quy định chung

- a. Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
- b. Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính được quy định trong phụ lục 02 đính kèm quy chế nội bộ về quản trị Công ty, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến).

2. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- a. Cổ đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến bằng các phương tiện công nghệ hiện đại. Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, Ban tổ chức sẽ bố trí thêm các màn hình chiếu, máy vi tính, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho các Cổ đông khác tham dự trực tuyến, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các Cổ đông.
- b. Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được thực hiện như sau:
 - i. Đối với các Cổ đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại bàn kiểm tra tư cách cổ đông được bố trí tại địa điểm diễn ra đại hội như cách thức đăng ký họp trực tiếp.
 - ii. Đối với các Cổ đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại Phụ lục 01 Quy chế này.

3. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số Cổ đông /Người được ủy quyền dự họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Điều lệ Công ty.

4. Cách thức bỏ phiếu

Cổ đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức (i) bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax, (iii) biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.

5. Cách thức kiểm phiếu

- a. Công ty sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các Cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên (i) số lượng phiếu mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và (ii) số phiếu mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (được bỏ vào thùng phiếu); và (iii) số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp gửi qua bưu điện, thư điện tử và

fax.

- b. Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cả ba cách thức trên theo từng nội dung chương trình họp và chia cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề từ đó xác định vấn đề cần biểu quyết có đủ tỷ lệ để thông qua hay không.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Ban thư ký sẽ thực hiện lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngay tại cuộc họp và trình cho Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung như quy định tại Điều 14 Quy chế này.

8. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

Số: 12/2022/PPE/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều lệ Công ty”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TRƯỚC ĐỢT PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM.
- Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CharmVit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Vốn điều lệ:
 - ❖ Vốn điều lệ hiện nay: 20.000.000.000 đồng;
 - ❖ Số lượng cổ phần đang lưu hành hiện nay: 2.000.000 cổ phần.

II. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Để tiếp tục đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng tạo vị thế cạnh tranh trong thời gian sắp tới, Công ty nhận thấy cần thiết phải tăng vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính và:

- Tăng cường hoạt động kinh doanh thông qua các hợp đồng đầu tư, mua bán sáp nhập các doanh nghiệp kém hiệu quả;
- Nâng quy mô vốn giúp Công ty đảm bảo nguồn lực cạnh tranh khi thực hiện các thương



vụ hợp tác đầu tư với Chủ đầu tư, khách hàng và các năng lực tài chính đủ mạnh với các tổ chức tín dụng;

- Gia tăng vốn chủ sở hữu sẽ giúp Công ty tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, giảm hệ số nợ/vốn chủ sở hữu, giảm bớt sự lệ thuộc vào nguồn vốn vay, giảm thiểu rủi ro về tài chính vốn nhờ nguồn vốn dài hạn, tự chủ hơn về tài chính và đảm bảo cấu trúc tài chính lành mạnh hơn.

2. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

(1) Tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam
(2) Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
(3) Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
(4) Vốn điều lệ:	20.000.000.000 đồng
(5) SLCP lưu hành:	2.000.000 cổ phần
(6) Số lượng cổ phần dự kiến phát hành:	18.500.000 cổ phần
(7) Tổng giá trị phát hành (mệnh giá):	185.000.000.000 đồng
(8) SLCP lưu hành dự kiến sau đợt phát hành:	20.500.000 cổ phần
(9) Vốn điều lệ dự kiến sau đợt phát hành:	205.000.000.000 đồng
(10) Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phần
(11) Nguyên tắc xác định giá chào bán:	<p>Giá bình quân được xác định theo 02 hình thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2021 là 4.276 đồng/cổ phần - Giá tham chiếu bình quân của 10 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán của cổ phiếu PPE gần thời điểm chào bán. <p>Để đảm bảo lợi ích cho cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất mức giá chào bán riêng lẻ không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.</p>
(12) Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán:	185.000.000.000 đồng

(13) Đối tượng phát hành:	Chào bán riêng lẻ
(14) Phương thức phát hành:	Chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có năng lực tài chính, có thể bao gồm một số cổ đông hiện hữu của Công ty
(15) Hạn chế chuyển nhượng:	Cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán
16) Mức độ pha loãng giá cổ phiếu:	Do phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược và nhà đầu tư chuyên nghiệp nên sẽ không làm pha loãng giá cổ phiếu và không phải điều chỉnh giá.
(17) Thời điểm chào bán:	Dự kiến trong năm 2022, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ phát hành.
(18) Đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phần:	Toàn bộ số lượng cổ phần chào bán theo phương án đã nêu sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt chào bán.

3. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN:

3.1. Phương án sử dụng vốn:

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để mở rộng hoạt động hợp tác, góp vốn đầu tư vào dự án tiềm năng đem lại hiệu quả kinh doanh đồng thời bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh bất động sản, cụ thể như sau:

	Mục đích đầu tư	Nhu cầu vốn bổ sung (đồng)
1	Đầu tư góp vốn điều lệ công ty Mua cổ phần /vốn góp của công ty	163.240.000.000
2	Vốn lưu động Đầu tư tài sản ngắn hạn/bổ sung vốn hoạt động	21.760.000.000
	Tổng giá trị vốn cần sử dụng	185.000.000.000

Tùy theo nhu cầu sử dụng vốn thực tế, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn, điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và Công ty.

3.2. Tỷ lệ chào bán thành công của đợt chào bán:

Hiện nay, cổ phần PPE của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với giá tham chiếu tại ngày 01/04/2022 là 14.100 đồng/cổ phần, giá tham chiếu bình quân 10 phiên giao dịch từ ngày 21/03/2022 đến ngày 01/04/2022 là 14.100 đồng/cổ phần và giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 4.276 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở đánh giá về mức giá chào bán so với giá thị trường và cao hơn giá trị sổ sách mỗi cổ phần, Công ty dự kiến tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu đạt 70% tổng số cổ phần dự kiến chào bán (129.5 tỷ).

3.3. Phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt:

Trong trường hợp Công ty không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền điều chỉnh số tiền phân bổ hoặc bổ sung nguồn vốn cần sử dụng thông qua các hình thức huy động vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật. Dự kiến nguồn vốn sẽ được sử dụng cho các mục đích theo thứ tự ưu tiên như sau:

- (1) Mua cổ phần /vốn góp của công ty dự án;
- (2) Đầu tư tài sản ngắn hạn/bổ sung vốn hoạt động

III. ỦY QUYỀN

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện:

- Quyết định chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, điều chỉnh phương án sử dụng vốn đảm bảo cho lợi ích cổ đông & Công ty và phù hợp theo yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- Quyết định phương án phân bổ vốn thiếu hụt theo nội dung tại Mục 3.3 phần II của Tờ trình này;
- Lựa chọn thời điểm chào bán thích hợp trong năm 2022;
- Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để thực hiện việc phát hành cổ phiếu nêu trên;
- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh và/hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phần;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm;
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được phát hành theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyền bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và biểu quyết thông qua./.



QUÁCH MỸ HOA



Số: 13/2022/PPE/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều lệ Công ty”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của Công ty, ngoài các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

- Chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh và ngân sách hoạt động kinh doanh năm 2022 phù hợp với diễn biến thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô và quy định của pháp luật;
- Tăng/giảm ngành, nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật (nếu có phát sinh) và thực hiện các thủ tục thay đổi có liên quan tại các cơ quan/ tổ chức có thẩm quyền;
- Quyết định đầu tư (bao gồm nhưng không giới hạn: góp vốn, nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong các công ty khác, hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư ...), thế chấp hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Thông qua các Hợp đồng và giao dịch giữa Công ty với: (i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những có liên quan của họ; (ii) Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT & QTRR, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của họ; (iii) Công ty con, Công ty liên kết của PPE; (iii) Doanh nghiệp quy định tại điểm g khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;



- Quyết định việc lựa chọn, xây dựng phương án và triển khai các hình thức huy động vốn, vay vốn, cho vay vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty trong phạm vi được pháp luật cho phép;
- Toàn quyền quyết định các Hợp đồng và giao dịch liên quan đến: (i) Hồ sơ vay vốn; (ii) Hồ sơ thế chấp tài sản tại các Ngân hàng, Tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích Công ty và các cổ đông;
- Quyết định phương án góp vốn/ thoái vốn, mua/ bán cổ phần của Tổ chức/ Doanh nghiệp có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán. Trong đó việc góp vốn/ thoái vốn/ mua/ bán cổ phần được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Quyết định các vấn đề sau liên quan đến Công ty con của PPE:
 - + Quyết định thành lập mới Công ty con và các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập Công ty con;
 - + Quyết định việc mua, bán, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc mở thủ tục phá sản Công ty con;
 - + Quyết định việc rút một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty con;
 - + Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu tại Công ty con;
- Ủy quyền và giao cho HĐQT chủ động quyết định các giải pháp khắc phục các biến động lớn về mặt tài chính của Công ty;
- Quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý, điều hành, mô hình quản trị Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với pháp luật hiện hành, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích của Công ty và Cổ đông, đồng thời áp dụng Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung.

Việc ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua./.



QUÁCH MỸ HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 14/2022/PPE/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4, năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Xin từ nhiệm của các thành viên Ban kiểm soát

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều lệ Công ty”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Nhằm thực hiện thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam từ mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc sang mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Quản trị rủi ro, Tổng Giám đốc/Giám đốc để nâng cao chất lượng quản lý nhân sự, đẩy mạnh đầu tư, phát triển kinh doanh và tăng lợi nhuận cho Công ty, Hội đồng quản trị trình Đơn xin từ nhiệm của các thành viên Ban kiểm soát, như sau:

- Đính kèm Đơn xin từ nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát của ông Lê Phúc Định;
- Đính kèm Đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát của ông Lê Văn Hậu;
- Đính kèm Đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát bà Bùi Thị Trà My.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
VIỆT NAM
QUÁCH MỸ HOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

CHỨC VỤ TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: – Đại hội đồng cổ đông
– Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam

Tên tôi là: Lê Phúc Định

Địa chỉ: Xã Tân Long, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang

CMND số 363749879 Ngày cấp: 01/11/2013 Nơi cấp: Công an Hậu Giang

Hiện nay đang là Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam.

Nay vì lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam được nữa, do đó tôi làm đơn này xin từ nhiệm khỏi vị trí Trưởng Ban kiểm soát kể từ ngày 28/4/2022...

Tôi đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam công bố việc từ nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát của tôi theo đúng quy định của Pháp luật.

Rất mong được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi. Tôi xin chân thành cảm ơn Đại hội đồng cổ đông và Ban Kiểm soát đã tin tưởng và đồng hành trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người viết đơn


LÊ PHÚC ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

CHỨC VỤ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: – Đại hội đồng cổ đông
– Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam

Tên tôi là: Lê Văn Hậu

Địa chỉ:

CMND số 363845413 Ngày cấp: Nơi cấp:

Hiện nay đang là Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam.

Nay vì lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam được nữa, do đó tôi làm đơn này xin từ nhiệm khỏi vị trí Thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 21/4/2022


Tôi đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam công bố việc từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát của tôi theo đúng quy định của Pháp luật.

Rất mong được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi. Tôi xin chân thành cảm ơn Đại hội đồng cổ đông và Ban Kiểm soát đã tin tưởng và đồng hành trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2022

Người viết đơn


Lê Văn Hậu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

CHỨC VỤ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: – Đại hội đồng cổ đông
– Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu
khí Việt Nam

Tên tôi là: Bùi Thị Trà My

Địa chỉ: Thị trấn Chợ Chùa, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi

CMND số 212461479 Ngày cấp: 12/04/2019 Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ngãi

Hiện nay đang là Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu
khí Việt Nam.

Nay vì lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Thành viên Ban
kiểm soát tại Công ty Cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam được nữa, do đó tôi
làm đơn này xin từ nhiệm khỏi vị trí Thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày
28/4/2022

Tôi đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam công bố việc từ
nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát của tôi theo đúng quy định của Pháp luật.

Rất mong được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn
điện lực Dầu khí Việt Nam chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi. Tôi xin chân thành cảm
ơn Đại hội đồng cổ đông và Ban Kiểm soát đã tin tưởng và đồng hành trong suốt thời
gian qua.

Trân trọng!

Hà Nội..., ngày 20 tháng 3. năm 2022

Người viết đơn



Bùi Thị Trà My

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 15./2022/PPE/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Xin từ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”) của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”) của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (“Điều lệ Công ty”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Các thành viên bao gồm bà Quách Mỹ Hoa, ông Lê Cảnh Toàn, bà Huỳnh Thị Kim Phao được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 bầu vào Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, vì một số lý do cá nhân không thể tiếp tục đảm nhiệm được vị trí này, vào ngày 28/5/2022, bà Quách Mỹ Hoa, ông Lê Cảnh Toàn, bà Huỳnh Thị Kim Phao đã có Đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị sau khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị trình Đơn từ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, như sau:

- Đơn xin từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của bà Quách Mỹ Hoa;
- Đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị của bà Huỳnh Thị Kim Phao;
- Đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị của ông Lê Cảnh Toàn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
VIỆT NAM
QUÁCH MỸ HOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

CHỨC VỤ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Kính gửi: – Đại hội đồng cổ đông
– Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam

Tên tôi là: Quách Mỹ Hoa

Địa chỉ: Số 86 B15B Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

CMND số 013223244 Ngày cấp: 06/08/2009 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Hiện nay đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam.


Nay vì lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị tại CTCP Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam được nữa, do đó tôi làm đơn này xin từ nhiệm khỏi vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 28/4/2022

Tôi đề nghị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam công bố việc từ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị của tôi theo đúng quy định của Pháp luật.

Rất mong được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị CTCP Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi. Tôi xin chân thành cảm ơn Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã tin tưởng và đồng hành trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022
Người viết đơn


Quách Mỹ Hoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
CHỨC VỤ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: – Đại hội đồng cổ đông
– Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam

Tên tôi là: Lê Cảnh Toàn

Địa chỉ: 1180 Quang Trung, phường 8, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

CCCD số 0798089002991 Ngày cấp: 13/09/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Hiện nay đang là Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam.

Nay vì lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam được nữa, do đó tôi làm đơn này xin từ nhiệm khỏi vị trí thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 28/11/2022

Tôi đề nghị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam công bố việc từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của tôi theo đúng quy định của Pháp luật.

Rất mong được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi. Tôi xin chân thành cảm ơn Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã tin tưởng và đồng hành trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người viết đơn



Lê Cảnh Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
CHỨC VỤ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: – Đại hội đồng cổ đông
– Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam

Tên tôi là: Huỳnh Thị Kim Phao

Địa chỉ: Căn hộ 9.5 Sapphire 2, Khu chung cư cao tầng Sài Gòn Pearl – 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

CCCD số 087191000159 Ngày cấp: Nơi cấp:

Hiện nay đang là Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam.

Nay vì lý do cá nhân nên tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam được nữa, do đó tôi làm đơn này xin từ nhiệm khỏi vị trí thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 23/4/2022

Tôi đề nghị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam công bố việc từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của tôi theo đúng quy định của Pháp luật.

Rất mong được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn điện lực Dầu khí Việt Nam chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi. Tôi xin chân thành cảm ơn Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã tin tưởng và đồng hành trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người viết đơn



Huỳnh Thị Kim Phao